

TÍNH NHẠC TRONG BÀI THƠ *MẮT NGƯỜI SƠN TÂY* CỦA QUANG DŨNG• Trịnh Quỳnh Đông Nghi^(*)**Tóm tắt**

“*Mắt người Sơn Tây*” là một trong những bài thơ ghi dấu ấn tên tuổi Quang Dũng, một nhà thơ tài hoa với hồn thơ bay bổng, giàu nhạc tính. Giá trị nhạc tính của bài thơ không phải được đánh giá dựa trên cảm nhận cảm tính thông thường mà được đánh giá thông qua ba yếu tố chính: kỹ thuật gieo vần, nghệ thuật phối thanh, cách tổ chức nhịp điệu. Tất cả hài hòa nhuần nhuyễn khiến cho ngôn từ của bài thơ không chỉ chuyển tải thành công tâm tư sâu kín của tác giả mà còn đọng lại những giai điệu đẹp của thơ ca cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Nhạc tính, Quang Dũng, *Mắt người Sơn Tây*, kỹ thuật gieo vần, nghệ thuật phối thanh, cách tổ chức nhịp điệu.

1. Đặt vấn đề

Bài thơ *Mắt người Sơn Tây* của Quang Dũng được sáng tác năm 1949, trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, về sau được in chung trong tập *Mây đầu ô* (1986). Bài thơ là cuộc gặp gỡ đượm màu chia li giữa nhà thơ với người con gái trong thời loạn lạc, một thoáng quen nhau và chia tay giã biệt - một cuộc hội ngộ buồn ngăn ngui. Có thể xem bài thơ này là một minh chứng cho hồn thơ bay bổng mà bình dị của Quang Dũng, một tâm hồn lãng mạn gắn với vẻ đẹp mộc mạc, dân dã của quê hương xứ Đoài. Nghệ thuật ngôn từ của bài thơ là sự thành công của hình ảnh, vần, giọng điệu... và một điều đặc biệt là bài thơ đi vào lòng bạn đọc nhờ vào nhạc tính dồi dào.

2. Nội dung**2.1. Tính nhạc trong thơ**

Tính nhạc là một trong những yếu tố hấp dẫn bạn đọc của thơ. Thơ phản ánh cuộc sống qua những rung động tình cảm. Như nhịp điệu của một trái tim xúc động, thơ cũng có những nhịp điệu riêng của nó. Cũng chính vì lẽ đó, thế giới nội tâm của thơ không chỉ bộc lộ qua các biểu tượng nghệ thuật giàu ý nghĩa mà còn được biểu hiện qua nghệ thuật phối hợp âm thanh và nhịp điệu của từ. Từ trước đến nay, hầu như các nhà nghiên cứu thường tập trung ngòi bút vào phân tích cái hay cái đẹp của ngôn từ, của sự bão hòa cảm xúc trong ngôn ngữ thơ mà ít phần quan tâm đến nhạc tính trong thơ. Mặc dù nói như Nguyễn Phan Cảnh thì nhạc thơ có vai trò quan trọng trong thi pháp đến mức là “thiên chức tự điều chỉnh thiêng liêng” [1].

Theo Nguyễn Xuân Nam thì tính chất vần điệu, cơ sở của nhạc tính trong thơ được tạo nên bởi các yếu tố: sự cân đối, sự trầm bổng và sự trùng điệp [3]. Sự cân đối chủ yếu thông qua việc phân dòng và phép đối. Sự trầm bổng được tạo nên do sự phối hợp các thanh bằng trắc và sự ngắt nhịp (âm thanh và tiết tấu), đây là một trong những yếu tố tạo âm hưởng chính của toàn bài thơ. Sự trùng điệp góp phần làm tăng sự cộng hưởng giữa các yếu tố hình thành nên tính nhạc trong bài thơ qua yếu tố vần và nghệ thuật láy.

Như vậy có thể hiểu tính nhạc trong thơ là kết quả của việc sử dụng tổng hợp các yếu tố thanh điệu, vần điệu, độ cao, độ dài, độ mạnh, nhịp điệu của tiếng Việt để tạo nên sự hài hòa về âm thanh.

2.2. Các yếu tố kiến tính nhạc trong *Mắt người Sơn Tây* của Quang Dũng

Bài thơ có 7 khổ, trong đó 6 khổ 24 dòng 7 tiếng và 1 khổ 7 dòng 5 tiếng, tổng cộng 203 tiếng. Về thanh điệu, có 120 thanh bằng và 83 thanh trắc, tỉ lệ thanh bằng là 1,44 so với thanh trắc.

2.2.1. Nghệ thuật phối thanh**Khổ 1:**

Bốn dòng thơ có 28 tiếng, trong đó 17 tiếng thanh bằng và 11 tiếng thanh trắc tạo nên sự trầm lắng. Điều đó kết hợp với “em” là âm tiết chứa nguyên âm và phụ âm vang như một tiếng lòng bật ra mở đầu cho lời bộc lộ, giải bày với nhân vật trữ tình “em”:

“Em ở thành Sơn chạy giặc về”

Dòng thơ đầu có tỉ lệ 4 thanh bằng - 3 thanh trắc và 3 thanh \ - ? - · (huyền, hỏi, nặng) (*ở, thành, chạy, giặc, về*) là những thanh trầm tạo giọng điệu thiết tha, lắng đọng.

(*) Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

Đến dòng thơ thứ hai: “Tôi từ chinh chiến cũng ra đi” có 5 thanh bằng / 2 thanh trắc kết hợp hai từ cuối dòng “ra đi” là những âm tiết mở và bằng. Đặc biệt ở đây còn xuất hiện sự chuyển đổi âm điệu rất tinh tế, bắt đầu từ hai âm tiết trung tính: “tôi” và “từ” sau đó chuyển sang âm tiết bằng “chinh” đến “cũng” là nguyên âm trầm, tiếp đó là nguyên âm bằng “đi”. Điều đó cộng hưởng với 5 trung âm và 2 âm cao “chiến” “cũng” đã mang âm điệu chung thể hiện thái độ hào hùng của người ra đi vì nghĩa lớn.

Ở dòng thơ thứ ba, trong 7 tiếng nhưng đã có 6 thanh trầm và những trung âm đã diễn tả tình quê “xứ Đoài mây trắng lắm”.

Ngôi nhà Quang Dũng có khung cửa sổ nhìn lên Ba Vì giờ chỉ còn trong hoài niệm. Chính 5 thanh bằng khác nhau của dòng thơ đã thể hiện nỗi nhớ man mác của tâm hồn thi nhân nhiều lãng mạn.

Khổ 2:

Trong tiếng Việt, những thanh bằng thường diễn tả trạng thái nhẹ, bằng bênh. Trong câu này, sự phối hợp thanh bằng tạo cảm giác lan tỏa:

“Vàng trán em mang trời quê hương
Mắt em diu diu buồn Tây phương
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em đã bao ngày em nhớ thương ?”

Quang Dũng đã sử dụng 19 thanh bằng / 9 thanh trắc. Đặc biệt trong câu 1 (6 bằng / 1 trắc), câu 2 và câu 4 (5 bằng / 2 trắc) kết hợp với 17 phụ âm vang: /m, n, ng, nh/. Cách sắp xếp này phù hợp cho việc chuyển tải tiếng lòng nhà thơ.

Khổ 3:

Ở khổ 3 có 16 thanh bằng / 12 thanh trắc. Ở 3 dòng đầu tỉ lệ bằng trắc tương đối cân bằng là 11/10 nhưng đến dòng thứ 4 thì đã có sự chuyển đổi 5 thanh bằng / 2 thanh trắc. Điều này giúp thể hiện dụng ý nghệ thuật của Quang Dũng.

“Mẹ tôi, em có gặp đâu không”

Câu hỏi tu từ hỏi chỉ để mà hỏi, câu hỏi như xoáy vào nỗi lòng đứa con khi chứng kiến “Bao xác già nua ngập cánh đồng”. Nhìn nơi nào cũng là tang thương, chết chóc, nỗi đau như cào xé, gợi tả và hút trí nhớ nhà thơ hiện về hình ảnh “thằng con bé nhỏ” khi Quang Dũng nhìn thấy “Bao nhiêu

rồi xác trẻ trôi sông !”.

Câu thơ thứ 4 lại có sự chuyển đổi 5 thanh bằng / 2 thanh trắc trầm lắng biết bao nỗi niềm... Cách sắp xếp thanh điệu bằng, trắc kết hợp với 16 nguyên âm mở, 14 phụ âm vang đã làm người đọc tiếp nhận một nỗi xót xang, day dứt toát ra ở từng câu chữ.

Khổ 4:

Khổ thơ như một sự khái quát của cảm xúc, tác giả đã tạo cho người đọc một sự liên tưởng về thời điểm “thu về hoang bóng giặc”. Nếu trước đó quê hương thiếu thời của Quang Dũng là “Ba Vì xanh”, là “xứ Đoài mây trắng lắm” thì giờ đây chỉ còn “Điêu tàn, ôi lại nỗi điêu tàn!”. Động từ được sử dụng kèm theo từ cảm thán “ôi” cùng 2 thanh trắc “lại nỗi” đã tái hiện một không gian chiến tranh và phơi bày tội ác của kẻ thù.

Câu thơ “Đất đá ong khô nhiều suối lẹ” có 2 cặp âm trắc ở đầu và cuối, mở đầu và kết thúc, giữa dòng điểm 3 thanh bằng (*ong, khô, nhiều*) tạo nên sự tức tưởi của nỗi đau như đang xát muối dày vào tâm hồn nhà thơ.

Dòng cuối của khổ thơ lại là một câu hỏi tu từ. Câu thơ lẽ ra: *Đã bao ngày lẹ em chưa chan* lại được nhà thơ đảo từ “em” lên đầu câu. “Em” là hình ảnh cô gái chạy giặc ở thành Sơn về mà cũng chính là sự phân thân của chủ thể trữ tình, của tâm trạng. Nước mắt em tuôn thành suối trên đất đá ong khô cằn.

Khổ 5:

Đây là khổ thơ đặc biệt của cả bài. Từ thơ thất ngôn đến khổ này đột nhiên chuyển thành ngũ ngôn. Toàn khổ có 7 dòng với 35 tiếng:

“Đôi mắt người Sơn Tây
U uẩn chiều lưu lạc
Buồn viễn xứ khôn khuây
Tôi gửi niềm nhớ thương
Em mang giùm tôi nhé
Ngày trở lại quê hương
Khúc hoàn ca rớm lẹ”

Trong 6 dòng đầu với 30 âm tiết đã có 20 thanh bằng gấp đôi so với 10 thanh trắc. Có những dòng thơ xuất hiện đến 4 thanh bằng trên 1 thanh trắc (dòng 1 và dòng 5). Điều này phù hợp với thể thơ

5 chữ - nhịp điệu của những nỗi niềm và tâm sự. Có lẽ chính vì vậy mà khổ thơ này trở thành âm hưởng chủ đạo của bài thơ và cũng là những câu thơ hay nhất của Quang Dũng được nhiều thế hệ độc giả “nhớ khôn khuây”.

Đôi mắt - u uẩn - buồn trong không gian lưu lạc và thời gian chiều đầy nỗi niềm nhớ thương. Nỗi buồn được chia sẻ “gửi ... em mang giùm”. Nhưng cái buồn, nhớ, chia li kia không bị lụy mà được lóa sáng ở lời hẹn ước “ngày trở lại” với “khúc hoàn ca”. Giọt lệ ở cuối khổ thơ không phải là “suối lệ”, không phải “lệ chứa chan” mà là ngày gặp mặt của niềm vui chiến thắng.

Ở dòng thơ cuối này, tỉ lệ thanh bằng trắc thay đổi tạo sự khác biệt so với toàn khổ: 2 thanh bằng / 3 thanh trắc được sắp xếp: cao - thấp - trung - cao - thấp một cách cân đối, hài hòa diễn đạt được những vui buồn lẫn lộn trong ngày trở lại tưởng tượng.

Khổ thơ 5 chữ, 7 dòng này khác nào “đôi bờ” của tâm trạng. Trước là buồn li biệt, đau thương và mất mát của chiến tranh còn sau lại dấy lên “khúc hoàn ca”, là vui thanh bình, dù chỉ trong tâm tưởng.

Khổ 6:

Ở khổ 6:

“Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn
Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoát thổi đêm trăng”

Đến khổ này thanh âm hài hòa và nhẹ nhàng hơn:

B	B	T	T	B	B	T
B	T	B	B	T	T	B
B	T	T	B	B	T	T
T	B	B	T	T	B	B

Bương Cấn, Sài Sơn, sông Đáy, Phủ Quốc, những địa danh bình dị trải đều trong cả bốn dòng mang đầy chất thơ rất hài hòa thanh điệu. “Bao giờ”, “về”, “trở lại” với một không gian rộng của những cánh đồng hòa bình nặng trĩu lúa vàng no ấm, của dòng sông lặng lẽ trôi qua năm tháng rửa sạch suối lệ chứa chan. Thời gian nghệ thuật cũng được chuyển đổi từ ngày “ngó lúa vàng” sang “đêm trăng”. Màu vàng của trăng trải trên màu vàng của lúa tạo nên ấn tượng màu của no đủ, hạnh phúc.

Bốn dòng thơ hội tụ cả âm thanh, màu sắc, hình ảnh một cách đa dạng: có núi, có sông, có đồng; có đêm, có ngày; có thị giác, thính giác, có sự hài hòa thanh điệu. Đây quả là một khổ thơ đẹp !

Khổ 7:

Khổ thơ cuối, điệp từ “Bao giờ” được lặp lại như một khao khát thiết tha. Trong bốn dòng thơ ngắn đã xuất hiện đến hai câu hỏi tu từ:

“Bao giờ tôi gặp em lần nữa ?”

“Còn có bao giờ em nhớ ta ?”

Cả hai câu hỏi đều nhắc về nhân vật trữ tình “em” nhưng có sự chuyển đổi “tôi gặp em”, “em nhớ ta”, một bên là chủ quan, giải bày với “em” - đối tượng, một bên là “ta” - đối tượng. Tình cảm chuyển đổi rất dịu dàng và lãng mạn. Sự lãng mạn toát ra từ chính hồn thơ bình dị nhưng rất mực lãng mạn, bay bổng của tác giả Quang Dũng. Gặp em lúc “chắc đã thanh bình”, “hết sắc mùa chinh chiến cũ” như một sự khẳng định ngày mai chiến thắng, ngày mai huy hoàng. Tứ thơ, hình ảnh thơ, tình thơ vận động khỏe khoắn đầy chất lãng mạn.

Về mặt thanh điệu, ở hai dòng 1 và 4 (2 câu hỏi tu từ) của khổ thơ đều được sắp xếp theo tỉ lệ 5 thanh bằng / 2 thanh trắc diễn đạt được cái thiết tha, mong mỏi của Quang Dũng. Ở 2 dòng 2, 3 tỉ lệ âm trắc vượt trội: 4/3 ở dòng 2 và 5/2 ở dòng 3. Không chỉ vậy, các nguyên âm mở, bổng chiếm tỉ lệ 6/7 (dòng 2), 5/7 (dòng 3) như một sự khẳng định bức tranh ngày mai “thanh bình rộn tiếng ca” là không thể chối cãi.

Nhìn chung, Quang Dũng đã có sự sắp xếp tiết tấu và hài hòa thanh điệu rất tinh tế, nhịp nhàng góp phần không nhỏ trong việc tạo nên đặc trưng nhạc tính của bài thơ.

2.2.2. Kỹ thuật gieo vần

Hiệp vần là cách liên kết câu thơ này với câu thơ kia bằng vần của “tiếng”. Vần là yếu tố tạo nên **sự hòa âm** và dễ để đọc, dễ nhớ. So với tiết tấu, vần không phải là yếu tố bắt buộc, nhất là với thơ mới, nhưng với tài năng của nhà thơ đôi khi vần đến thật tự nhiên mà lại tạo hiệu quả nghệ thuật cao.

Ở khổ thơ thứ nhất, hai tiếng cuối của dòng 2 “ra đi” vần với 2 tiếng cuối dòng 4 “Ba Vì”. Thường thì nguyên âm “i” diễn tả sự ngân dài kết hợp với nguyên âm “a” trong “ra”, “Ba” gợi bước chân

người chinh chiến trải dài trên các “chiến trường súng nổ” và một không gian rộng lớn bao la của buổi chiều Ba Vì trong xanh vơi vợi.

Khổ thơ thứ hai, thứ ba lại có vần khá đặc biệt. Vần lưng được gieo khá nhiều: *vàng, trán, mang, mắt, diu, diu, Tây, mây, trắng, lấm, đã, bao, ngày* (13 tiếng) kết hợp với vần chân: *huong, phương, thương* là các phụ âm vang “ng” tạo nên âm hưởng níu nhau lan tỏa tâm tình của nhà thơ về quê hương, mẹ, em. Bên cạnh đó còn có những từ có kết thúc bằng vần “ông”: *không, đồng, sông* diễn tả những cảnh vật trống trải.

Khổ thơ thứ tư, vần được gieo vào tiếng cuối câu 2 “tàn” với tiếng cuối câu 4 “chan”. Vẫn là sự kết hợp của nguyên âm “a” có độ mở và phụ âm vang “n” tạo được độ vang ngân và gợi cái rộng lớn, tràn khắp nhưng là sự rộng lớn của quê hương hoang tàn và đau khổ như “suối lệ” chảy trên “đất đá ong khô”. Vần ở đây khác hẳn với cách gieo vần ở 2 khổ 2 và 3, các vần “ương”, “ông” là những dòng nguyên âm trầm, trung tính “uơ”. Đây là sự tinh tế và tài hoa của nhà thơ. Phải tài hoa lắm Quang Dũng mới viết được những câu thơ như thế.

Khổ năm - khổ thơ mang âm hưởng chủ đạo với 7 dòng thơ 5 chữ được gieo vần chân: *Tây - lạc - khuây - thương - nhé - hương - lệ*. Mở đầu là vần bằng “Tây” và kết thúc khổ thơ là vần trắc “lệ”. Các vần được sắp xếp luân phiên B-T-B / B-T-B-T, trong đó 4 thanh trung âm (*Tây, khuây, thương, hương*) và 2 thanh trầm (*lạc, lệ*), chỉ 1 thanh cao (*nhé*) tạo âm hưởng chung của khổ là trung và trầm thiết tha.

Hai khổ thơ sáu, bảy là khát vọng về ngày “thanh bình rộn tiếng ca” của quê hương, của nghĩa tình em - Đôi mắt người Sơn Tây. Vần chân được gieo rất hài hòa: T-B-T-B-T-B-T-B từng cặp. Bên cạnh đó, những khuôn vận có nguyên âm mở (*vàng - trắng, ca - ta*) rất phù hợp tâm trạng của chủ thể trữ tình Quang Dũng.

Quả thật không sai khi Hêghen đã có ý kiến rằng vần trong thơ là do nhu cầu thật sự của tâm hồn muốn nhìn thấy mình được biểu lộ rõ hơn, nhiều hơn, có sự vang dội đều đặn. Vần trong bài thơ này của Quang Dũng là một sự gia công khéo léo và sáng tạo của người nghệ sĩ tài hoa. Chính nhờ yếu tố đó, nhạc tính trong *Mắt người Sơn Tây* đã được kích thích trên từng câu chữ chỉ đợi người

đọc xướng lên là dào dạt tuôn chảy, luyện láy và hài hoà vô cùng.

2.2.3. Cách tổ chức nhịp điệu

Nhịp điệu của thơ xuất hiện trên cơ sở lập lại và luân phiên các đơn vị âm luật theo cấu tạo đơn vị ngữ điệu của ngôn ngữ. Nhịp của thơ khác nhịp điệu tự nhiên ở chỗ là nó do con người sáng tạo nên có mục đích mỹ học. Thơ có thể không có vần chứ không thể thiếu nhịp. Nhịp thơ thường kết hợp với ngữ điệu. Cơ sở của ngữ điệu là sự xác định luân phiên của giọng cao cất lên và hạ thấp xuống đem lại sắc thái tư tưởng của câu. Trong câu, ngữ điệu tác động đến việc phân đoạn lời nói, tổ chức các bộ phận câu nói, qua đó thể hiện sắc thái tình cảm của người nói.

Khổ thơ thứ nhất nhịp thơ phù hợp với ngữ điệu. Nhịp 4/3 được cấu trúc các tốp 2-4-6 ở mỗi dòng:

T	B	T
B	T	B
T	B	T
B	T	B

Sự luân phiên B/T ở mỗi dòng thơ và khổ thơ tạo nên sự hòa âm trong thơ.

Ở khổ thơ thứ hai và ba, nhịp và ngữ điệu thay đổi cùng với tâm trạng nhà thơ: 3/4, 4/3, 4/3, 4/3. Dường như những chỗ dừng tỉ lệ âm bằng và trầm chiếm ưu thế 7/8, chỉ có 1 âm trắc “lấm” nhưng nguyên âm “ã” là trung âm giữa bổng - trầm, điều đó khiến ngữ điệu toàn đoạn rất nhẹ nhàng, ngân nga diu diu như đôi mắt “buồn Tây phương”.

Khổ thứ ba là lời trần thuật, giải bày nỗi niềm. Ngữ điệu được thay đổi, cách ngắt nhịp của các câu thơ cũng ngắn và gấp hơn. Thường đối với thơ 7 chữ nhịp ngắt là 4/3, khổ thơ này thì khác: 2/5, 4/3, 2/5, 3/4. Cách ngắt và ngữ điệu tức tưởi này phù hợp với hình ảnh, tâm trạng thơ: *Mẹ tôi - bao xác già nua, thẳng con bé nhỏ - xác trẻ*. Đó là hiện thực tàn khốc của chiến tranh đối với đất nước và con người Việt Nam.

Với khổ thơ thứ tư, ngoài những dòng thơ nhịp 4/3 thường gặp, chỗ dừng của nhịp biến đổi: B/T, B/T/B, B/T, B/B. Đặc biệt là dòng 2 với nhịp ngắt 2/3/2: “Điêu tàn” (B-B) - từ cảm thán “ôi” - lại nối (T-T) - “điêu tàn” (B-B) và cuối cùng là dấu “!”. Sự

kết hợp này đã tái hiện toàn cảnh rộng lớn của một quê hương bị tàn phá vì kẻ thù xâm lược.

Bởi mang âm hưởng chủ đạo của toàn bài nên khổ thứ năm có nhịp và ngữ điệu khá độc đáo. Nhịp thơ ngắn, ngữ điệu được kết hợp hài hòa B/T đầu và cuối chỗ dừng và tiếng cuối dòng thơ tạo nên nhạc điệu khá độc đáo, tài hoa.

Nhịp ở hai khổ cuối ngoài sự sắp xếp giống như trên, Quang Dũng đã khéo léo chuyển đổi ngữ điệu ở cuối và đầu những điểm ngừng có sự đối lập giữa hai dòng thơ:

nguồn (B) / *qua* (B) đối với: *khoát* (T) / *thối* (T)
hết (T) / *sắc* (T) đối với: *giờ* (B) / *em* (B)

Ki No Curajuki cho rằng: “Nếu nhịp điệu vĩnh viễn trường tồn thì làm sao thơ ca bị tiêu diệt được” [1, tr. 152]. Quả nhiên ngữ điệu đóng vai trò tối quan trọng trong thơ, đặc biệt là những bài thơ chất chứa tâm trạng và nỗi niềm như *Mắt người Sơn Tây*.

Sự khéo léo trong ngắt nhịp và hòa phối ngữ điệu của nhà thơ tài hoa Quang Dũng đã cấu thành chất nhạc dồi dào của bài thơ. Người đọc như hòa mình cùng tâm trạng của chủ thể trữ tình để rồi xót xa ở những nhịp ngắt đột ngột, gấp gáp. Thật độc đáo khi nhịp thơ và ngữ điệu đã mở ra một không gian rất “sống” cho độc giả trải nghiệm.

2.3. Nhận định về tính nhạc trong bài thơ *Mắt người Sơn Tây*

Nhà nghiên cứu Đặng Tiên từng nhận định: “Thơ Quang Dũng gieo thoi giữa mộng và thực” [6, tr. 252]. Quả nhiên, trong *Mắt người Sơn Tây*, nhà thơ đã xây dựng nên những xúc cảm đơn giản mà cảm động. Xuất phát từ cảnh thật, tình thật hài hoà trong ngôn từ giàu nhạc tính, nhà thơ sử dụng các yếu tố vần, nhịp, ngữ điệu, phối thanh để tạo âm hưởng chung.

Mắt người Sơn Tây là bài thơ bảy chữ giàu tính nhạc. Cũng chính bài thơ này đã khẳng định khả năng sử dụng hiệu ứng nhạc chuyển tải nội dung tác phẩm trong hình thức được quy định sẵn. Trong khuôn khổ một bài thơ bảy chữ, Quang Dũng đã khéo léo tạo nên sự bổng trầm của thanh điệu, độ mở của âm tiết và ngắt nhịp đăng đối. Cái tài của một nhà thơ là ở khả năng biến hóa khôn lường để diễn tả ý tình trong một hình thức nghệ thuật hạn

hẹp, để ý ở ngoài lời và thơ là chân trời mở của sự đồng sáng tạo. Cũng có những chỗ, nhà thơ phá cách từ thơ thất ngôn đột nhiên chuyển thành ngũ ngôn, toàn khổ 35 tiếng với cách sử dụng nhiều thanh bằng và ngắt nhịp đầy tâm trạng. Khổ thơ 7 dòng ngũ ngôn trở thành âm hưởng chủ đạo kết nối mạch, nhịp của cả bài thơ và cũng là những câu thơ hay nhất của Quang Dũng được nhiều thế hệ độc giả nhớ khôn khuây. Ở bài thơ này, từ tựa đề cho đến dòng kết thúc, hầu như, hình ảnh “đôi mắt” của “người Sơn Tây” luôn có một vị trí quan trọng, đó là sự ám ảnh như một mạch liên kết xuyên suốt tác phẩm. Nó được nhấn đi nhấn lại bởi những từ ngữ cùng trường nghĩa. Để rồi sau mỗi khổ thơ, ý nghĩa của hình ảnh này có một giá trị mới đối với việc kiến tạo và chuyển tải thông điệp cho tác phẩm. Và dĩ nhiên, tác giả đã xây dựng nhạc tính như là hồn cốt của thi phẩm. Đây là điểm rất riêng trong tác phẩm này của Quang Dũng với những tác phẩm nghệ thuật về chiến tranh đương thời. Và bài thơ giàu tính nhạc này lại gọi thêm nhiều suy tưởng khi được nhạc sĩ Phạm Đình Chương đồng điệu và phổ nhạc.

Khách quan mà nói, nhạc tính không phải là điều quyết định tất cả đối với một tác phẩm thơ, bởi lẽ tuyệt đối hóa vai trò của nhạc sẽ khiến thơ vô nghĩa, xa rời hiện thực cuộc sống và sẽ không thể nào tồn tại với thời gian. Tuy nhiên, nhạc là thuộc tính của ngôn ngữ thơ, thuộc về thơ và ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung tác phẩm thơ. Trong tác phẩm của mình, Quang Dũng đã sử dụng rất đặc địa các yếu tố tạo nhạc tính để rung động lan trên cánh nhạc và tăng cường độ sâu sắc của từng ý tứ thơ. Rõ ràng, đối với thơ Quang Dũng nói chung và thi phẩm này nói riêng, nhạc đã chấp cánh cho hồn thơ ông, đưa người đọc từ ngôn từ đi đến những vỉa ngầm nội dung đầy ẩn ý và sâu sắc. Chỉ có tấm lòng và sự tài hoa của người nghệ sĩ chân chính mới hun đúc cho những sáng tạo của Quang Dũng. Và cho đến hôm nay, nhạc tính trong thơ thi sĩ xứ Đoài đã về cơ bản vượt qua những thử thách lớn lao của thời gian để đem lại những giá trị nghệ thuật cho tác phẩm thơ Quang Dũng.

3. Kết luận

Thơ Quang Dũng là người thư kí trung thành thuyết minh về ông, một Quang Dũng lãng mạn

với hồn thơ bay bổng, bình dị và đặc biệt là giàu nhạc tính. Bài thơ *Mắt người Sơn Tây* chỉ là một trong số nhiều minh chứng cho chất nhạc của thơ Quang Dũng. Quả thật không ngẫu nhiên mà nhạc sĩ Phạm Đình Chương lại chọn bài thơ *Mắt người Sơn Tây* làm nguyên liệu chính cho nhạc phẩm của mình. Và càng không phải vô tình khi bài hát *Mắt người Sơn Tây* được hàng triệu thế hệ độc giả, thính giả đã yêu thích. Thiết nghĩ điều đó đã

thêm phần khẳng định về tính nhạc đặc sắc của bài thơ này. Với tài năng của thi nhân Quang Dũng, bài thơ là một thành công lớn cả về nội dung lẫn nghệ thuật. Dừng lại trên từng câu, từng chữ và đi sâu vào khám phá ta mới cảm nhận được từng giọt mồ hôi tài năng và tâm huyết mà nhà thơ đã nhỏ xuống. *Mắt người Sơn Tây* là một tác phẩm nghệ thuật đích thực, là chất nhạc của hồn thơ Quang Dũng./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Phan Cảnh (2001), *Ngôn ngữ thơ*, NXB Văn hoá thông tin.
- [2]. Bùi Công Hùng (2000), *Tiếp cận nghệ thuật thơ ca*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [3]. Phương Lưu (chủ biên) (2006), *Giáo trình Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.
- [4]. Nguyễn Đăng Mạnh (2005), *Nhà văn Việt Nam hiện đại - Chân dung và phong cách*, NXB Trẻ.
- [5]. Lê Lưu Oanh (2006), *Văn học và các loại hình nghệ thuật*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6]. Đặng Tiến (2009), *Thơ - thi pháp và chân dung*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [7]. Trần Lê Văn (sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu) (1988), *Quang Dũng - tác phẩm chọn lọc*, NXB Văn học, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

MUSICALITY IN “EYES OF SON TAY PEOPLE” BY QUANG DUNG

Summary

“Eyes of Son Tay people” is one of the poems marking Quang Dung’s fame, a talented poet with an uplifting poetic soul in rich musicality. Musical value of the poem is derived not from normal emotion, but from three key elements: rhythm technique, tonal coordination, rhythm placement. All these are absolutely harmonic, making the poem’s language not only successfully convey the poet’s deep feelings but also retain the verbal beauty of Vietnam revolution poetry.

Keywords: Musicality, Quang Dung, “Eyes of Son Tay people”, rhythm technique, tonal coordination, rhythm placement.

Ngày nhận bài: 14/11/2018; Ngày nhận lại: 27/12/2018; Ngày duyệt đăng: 05/3/2019.